**DANH MỤC PHỤ LỤC**

MẪU ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CÔNG TÁC DÂN TỘC
*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2022/TT-UBDT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Phụ lục**  | **Tên báo cáo** | **Tần suất báo cáo** | **Đối tượng báo cáo** | **Thời hạn gửi báo cáo** |
| 1 | Phụ lục số I | Báo cáo kết quả công tác dân tộc tháng, quý, và nhiệm vụ trọng tâm tháng, quý (tiếp theo) của Ban Dân tộc, Cơ quan công tác dân tộc | Hằng tháng, quý | Ban Dân tộc, Cơ quan công tác dân tộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Trước ngày 20 của tháng báo cáo hoặc Trước ngày 20 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo |
| 2 | Phụ lục số II | Báo cáo kết quả công tác dân tộc tháng, quý, và nhiệm vụ trọng tâm tháng, quý (tiếp theo) của Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc | Hằng tháng, quý | Các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc | Trước ngày 20 của tháng báo cáo hoặc Trước ngày 20 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo |
| 3 | Phụ lục số III | Báo cáo kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm, năm (năm báo cáo) và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm, năm (liền kề) của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ | 6 tháng, năm | Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ | Trước ngày 20 tháng 6 hằng năm (đối với BC 6 tháng; Trước ngày 20 tháng 12 hằng năm (đối với BC năm) |
| 4 | Phụ lục số IV | Báo cáo kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm, năm (năm báo cáo) và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm, năm (liền kề) của Ủy ban nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, xã) | 6 tháng, năm | Ủy ban nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, xã) | Trước ngày 20 tháng 6 hằng năm (đối với BC 6 tháng; Trước ngày 20 tháng 12 hằng năm (đối với BC năm) |
| 5 | Phụ lục số V | Báo cáo kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm, năm (năm báo cáo) và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm, năm (liền kề) của Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc | 6 tháng, năm | Các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc | Trước ngày 20 tháng 6 hằng năm (đối với BC 6 tháng; Trước ngày 20 tháng 12 hằng năm (đối với BC năm) |

**PHỤ LỤC SỐ I**

 **Đề cương Báo cáo kết quả công tác dân tộc tháng, quý, và nhiệm vụ trọng tâm tháng, quý (tiếp theo) của Ban Dân tộc, Cơ quan công tác dân tộc**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2022/TT-UBDT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**Số: /BC-Tên ĐV | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
|  | *……..., ngày … tháng … năm ……* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện công tác dân tộc tháng, quý....**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH**

- Công tác chỉ đạo, điều hành của địa phương (tỉnh, thành phố) về công tác dân tộc.

- Công tác tham mưu của Ban Dân tộc, Cơ quan công tác dân tộc (tỉnh, thành phố) đối với việc thực hiện các chính sách dân tộc.

**II. TÌNH HÌNH VÙNG DTTS&MN**

Tổng hợp tình hình vùng dân tộc thiểu số và miền núi nổi bật trong tháng (quý) về: sản xuất, đời sống, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội; những vấn đề nổi cộm về an ninh trật tự, thiên tai, dịch bệnh, di cư... (nếu có).

I**II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC DÂN TỘC**

1. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao

2. Tình hình thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách do Ủy ban Dân tộc quản lý

- Công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, tổng kết...

- Tình hình triển khai và kết quả thực hiện (vốn kế hoạch, vốn thực giao, vốn giải ngân, tỷ lệ giải ngân, một số kết quả chủ yếu...)

- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình thực hiện từng chính sách, chương trình, dự án.

3. Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan công tác dân tộc.

**4. Đánh giá chung**

- Đánh giá kết quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc

- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

**IV. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC THÁNG (QUÝ) TIẾP THEO**

**1. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện**

**2. Các kiến nghị, đề xuất (Nếu có)**

|  |  |
| --- | --- |
|    | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký tên, đóng dấu)* |

 **PHỤ LỤC SỐ II**

**Đề cương Báo cáo kết quả công tác dân tộc tháng, quý, và nhiệm vụ trọng tâm tháng, quý (tiếp theo) của Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2022/TT-UBDT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**Số: /BC-Tên ĐV | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm*  |

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện công tác dân tộc tháng, quý....**

 **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH**

- Tóm tắt các hoạt động chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Ủy ban, của Vụ, đơn vị trong tháng, quý,…

- Kết quả hoạt động chỉ đạo điều hành của của Lãnh đạo Ủy ban, của Vụ, đơn vị trong tháng, quý,…

- Đánh giá công tác chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Ủy ban, của Vụ, đơn vị trong tháng, quý,…

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THÁNG, QUÝ**

**1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được Bộ trưởng, Chủ nhiệm giao tham mưu thực hiện**

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện từng nhiệm vụ.

- Tổng hợp số nhiệm vụ được giao, trong đó:

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành thể hiện rõ quá hạn/đúng hạn.

+ Số nhiệm vụ chưa hoàn thành thể hiện rõ còn trong hạn/quá hạn.

- Lập Biểu tổng hợp (Bảng ngang) đánh giá chi tiết kết quả thực hiện từng nhiệm vụ theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số II-01).

**2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Bộ trưởng, Chủ nhiệm giao**

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện từng nhiệm vụ.

- Tổng hợp số nhiệm vụ được giao, trong đó:

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành thể hiện rõ quá hạn/đúng hạn.

+ Số nhiệm vụ chưa hoàn thành thể hiện rõ còn trong hạn/quá hạn.

- Lập Biểu tổng hợp (Bảng ngang) đánh giá chi tiết kết quả thực hiện từng nhiệm vụ theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số II-01).

**3. Tình hình và kết quả thực hiện các chương trình, dự án, đề án, chính sách dân tộc được giao tham mưu quản lý, chỉ đạo, thực hiện**

- Công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, tổng kết...

- Tình hình triển khai và kết quả thực hiện (vốn kế hoạch, vốn thực giao, vốn giải ngân, tỷ lệ giải ngân, một số kết quả chủ yếu...)

- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình thực hiện từng chính sách, chương trình, dự án.

- Tổng hợp số nhiệm vụ được giao, trong đó:

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành thể hiện rõ quá hạn/đúng hạn.

+ Số nhiệm vụ chưa hoàn thành thể hiện rõ còn trong hạn/quá hạn.

- Lập Biểu tổng hợp (Bảng ngang) đánh giá chi tiết kết quả thực hiện từng nhiệm vụ theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số II-01).

**4. Công tác tiếp dân, thanh tra và phòng chống tham nhũng**

- Công tác tiếp công dân, tiếp nhận đơn thư phản ánh, kiến nghị

- Công tác thanh tra

- Công tác phòng, chống tham nhũng…

**5. Một số công tác khác**

- Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát sinh được Bộ trưởng, Chủ nhiệm giao tại các quyết định, văn bản và các Thông báo kết luận…

- Tổng hợp số nhiệm vụ được giao, trong đó:

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành thể hiện rõ quá hạn/đúng hạn.

+ Số nhiệm vụ chưa hoàn thành thể hiện rõ còn trong hạn/quá hạn.

- Lập Biểu tổng hợp (Bảng ngang) đánh giá chi tiết kết quả thực hiện từng nhiệm vụ theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số II-01).

**6. Đánh giá chung**

- Đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo điều hành; kết quả công tác; công tác phối hợp giữa các Vụ, đơn vị.

- Nêu rõ những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

**III. TÌNH HÌNH VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI** *(Áp dụng đối với Các vụ, đơn vị được giao phụ trách địa bàn)*

**1. Về sản xuất, đời sống**

- Nêu nổi bật được tình hình đời sống của đồng bào của từng địa bàn vùng DTTS&MN

- Tình hình thiên tai, dịch bệnh, môi trường, số liệu thiệt hại cụ thể (nếu có).

- Công tác ứng phó với tình hình thiên tai, dịch bệnh, môi trường của các địa phương, các cấp, các ngành...

**2. Về văn hóa - xã hội**

Nêu nổi bật được tình hình văn hóa-xã hội trong vùng đồng bào DTTS&MN (*Về văn hóa, thông tin; Về giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Về công tác y tế…),* lưu ý những vấn đề nổi cộm, điểm nóng*.*

**3. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội**

- Khái quát tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vùng DTTS và miền núi.

- Thống kê các vụ việc gây mất an ninh trật tự tại vùng DTTS&MN đặc biệt là các vụ việc có liên quan đến người DTTS.

- Báo cáo tình hình tôn giáo, tà giáo, đạo lạ, di cư tự do, nạn phá rừng, buôn bán ma túy, phụ nữ, trẻ em, tội phạm khác...

- Giải pháp của các cơ quan chức năng nhằm hạn chế các vụ việc gây mất an ninh trật tự tại vùng DTTS&MN.

**IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG, QUÝ TIẾP THEO**

**1. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện**

- Nêu các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện của tháng tiếp theo.

- Lập Biểu tổng hợp (Bảng ngang) xây dựng chi tiết kế hoạch thực hiện từng nhiệm vụ theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số II-02).

**2. Kiến nghị, đề xuất (Nếu có)**

|  |  |
| --- | --- |
|    | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Phụ biểu số II- 01** |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM GIAO**  |
| **Tháng/quý/….***(Kèm theo Báo cáo số: / ngày tháng năm của Vụ, đơn vị)* |
| **TT** | **Nội dung nhiệm vụ** | **Cán bộ phụ trách** | **Thời hạn hoàn thành** | **Tiến độ thực hiện** | **Kết quả thực hiện** | **Khó khăn, vướng mắc** |
| **Đã hoàn thành** | **Chưa hoàn thành** |
| **Đúng hạn** | **Quá hạn** | **Còn trong hạn** | **Quá hạn** |
| **I** | **Nhóm nhiệm vụ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ** |  |  |  |  |  |
| **1** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **2** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **II** | **Nhóm nhiệm vụ thường xuyên được giao tại Quyết định giao nhiệm vụ đầu năm và theo chức năng nhiệm vụ** |
| ***II.1*** | ***Kết quả triển khai các chương trình, đề án, chính sách dân tộc Vụ, đơn vị được giao tham mưu thực hiện*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *a* | *Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, chính sách Ủy ban Dân tộc quản lý*  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **2** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *b* | *Kết quả triển khai các chương trình, chính sách tại vùng DTTS&MN* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **4** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| ***II.2*** | ***Kết quả triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao (Đối với các nhiệm vụ thường xuyên cần báo cáo rõ kết quả, tiến độ, quá trình thực hiện và sản phẩm thực hiện được trong kỳ báo cáo)*** |
| **5** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **6** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **III** | **Nhóm nhiệm vụ phát sinh được giao tại các văn bản, thông báo kết luận…** |  |  |  |
| ***III.1*** | ***Các nhiệm vụ được giao trả lời các văn bản của ban, bộ, ngành và các đơn vị ngoài UBDT*** |  |  |
| **1** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **2** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| ***III.2*** | ***Các nhiệm vụ phát sinh khác*** |  |  |
| ***3*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***4*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** |   |   |   |   |   |   |
|  |  |  |  |  |  |  |  | *………..ngày.......tháng....... năm…* **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** |  |  |  |  |  |  | **Phụ biểu số II-02** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM GIAO**  |
| **Tháng/quý ….***(Kèm theo Báo cáo số: / ngày tháng năm của Vụ, đơn vị)* |
| **TT** | **Nội dung nhiệm vụ** | **Cán bộ phụ trách** | **Thời hạn hoàn thành** | **Tiến độ thực hiện** | **Kế hoạch triển khai** | **Dự kiến sản phẩm/kết quả** | **Ghi chú** |
| **Còn trong hạn** | **Quá hạn** | **Không thời hạn** |
| **I** | **Nhóm nhiệm vụ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **2** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **II** | **Nhóm nhiệm vụ thường xuyên được giao tại Quyết định giao nhiệm vụ đầu năm và theo chức năng nhiệm vụ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***II.1*** | ***Kế hoạch triển khai các chương trình, đề án, chính sách dân tộc Vụ, đơn vị được giao tham mưu thực hiện*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *a* | *Kế hoạch triển khai các chương trình, đề án, chính sách Ủy ban Dân tộc quản lý*  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **1** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **2** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *b* | *Kế hoạch thực hiện các chương trình, chính sách tại vùng DTTS&MN* |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **3** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **4** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| ***II.2*** | ***Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao (bao gồm cả nhiệm vụ thường xuyên)*** |
| **5** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **III** | **Nhóm nhiệm vụ phát sinh được giao tại các văn bản, thông báo kết luận…** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **2** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Tổng số** |   |   |   |   |   |
|  | *Lưu ý: các nhiệm vụ cần dự kiến cụ thể kết quả/sản phẩm dự kiến để có căn cứ đối chiếu kết quả trong kỳ báo cáo tiếp theo* |
|  |  |  |  |  |  |  | *.........., ngày....... tháng....... năm…*  |
|  |  |  |  |  |  |  | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**PHỤ LỤC SỐ III**

**Đề cương Báo cáo kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm, năm (năm báo cáo) và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm, năm (liền kề) của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2022/TT-UBDT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**Số: /BC-Tên ĐV | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm*  |

**BÁO CÁO**

**Kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm, năm (năm báo cáo) và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm, năm (liền kề)**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ ĐỐI VỚI CÔNG TÁC DÂN TỘC**

1. Công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đối với các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ; các chỉ thị, kết luận, quyết định của Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

3. Công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đối với Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC DO BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ QUẢN LÝ CHỈ ĐẠO**

1. Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

2. Kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, dự án, chính sách hiện hành tác động trực tiếp đến vùng DTTS&MN.

- Lập Biểu tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số III-01).

3. Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các chương trình, chính sách dân tộc thực hiện tại vùng DTTS&MN.

**III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC TẠI BỘ, NGÀNH**

1. Kết quả đạt được

2. Một số hạn chế, khó khăn vướng mắc và nguyên nhân

**IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG CUỐI NĂM, NĂM (LIỀN KỀ)**

**V. KIẾN NGHỊ, ĐẾ XUẤT**

1. Với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

2. Với các bộ, ngành

3. Với Ủy ban Dân tộc

|  |  |
| --- | --- |
|    | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** **(Thực hiện BC)** | **Phụ biểu số III-01** |

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ CHỈ ĐẠO 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM (NĂM BÁO CÁO)**

*(Kèm theo Báo cáo số ……….. ngày ... tháng … năm ......... của ……….)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Tổng kinh phí (Tr.đ)** | **Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)** | **Vốn giải ngân (Tr.đ)** | **Số công trình hoàn thành** | **Ghi chú** |
| **NSTƯ**  | **NSĐP** | **Dân đóng góp (quy đổi)** | **Lồng ghép, vốn khác** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5=6+7+8+9*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** |
| 1 | Chính sách A…. |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chính sách B…. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | …… |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|   | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC SỐ IV**

**Đề cương Báo cáo kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm, năm (năm báo cáo) và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm, năm (liền kề) của Ủy ban nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, xã)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2022/TT-UBDT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**Số: /BC-Tên ĐV | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *.........., ngày tháng năm*  |

**BÁO CÁO**

**Kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm, năm (năm báo cáo) và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm, năm (liền kề) của Ủy ban nhân dân (tỉnh, huyện, xã)**

**I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

**1. Công tác chỉ đạo điều hành của UBND (tỉnh, huyện, xã)**

- Đánh giá nêu rõ kết quả, giải pháp quản lý, điều hành trọng tâm, nổi bật của địa phương trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của: Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Dân tộc và của tỉnh, thành phố về công tác dân tộc; kết quả giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách. Những kết quả được dẫn chiếu bằng số liệu, văn bản cụ thể. Nêu những tồn tại, yếu kém, hạn chế về công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và nguyên nhân (chủ quan, khách quan).

- Đánh giá công tác tham mưu, đề xuất của cơ quan làm công tác dân tộc trong việc tham mưu cho cấp ủy, HĐND, UBND về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc; sự phối hợp với các sở, ban ngành, địa phương trong việc tổ chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc và các vấn đề phát sinh khác tại địa phương; những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân (chủ quan, khách quan).

**2. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy (tỉnh ủy, huyện ủy, đảng ủy), HĐND, UBND (tỉnh, huyện, xã) đối với công tác dân tộc**

- Đánh giá công tác quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, và Nhà nước về công tác dân tộc; việc ban hành các Nghị quyết của cấp ủy, HĐND các cấp, Quyết định của UBND (tỉnh, huyện, xã) về công tác dân tộc và và thực hiện chính sách dân tộc.

- Đánh giá sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, huyện ủy, đảng ủy, HĐND, UBND (tỉnh, huyện, xã) về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc; xử lý những vấn đề quan trọng, phát sinh, nhất là các vấn đề về an ninh trật tự, vấn đề thiên tai, dịch bệnh, môi trường; công tác chăm lo đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh, môi trường...

**3. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Dân tộc, Cơ quan công tác dân tộc các tỉnh, thành phố (Chỉ áp dụng đối với báo cáo của tỉnh, huyện)**

- Tổ chức bộ máy, nhân sự; thay đổi chức năng, nhiệm vụ; phân cấp quản lý, chỉ đạo.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc: Theo dõi, tổng hợp tình hình vùng dân tộc; xây dựng và giao nhiệm vụ kế hoạch, huy động nguồn lực, phân bổ vốn, ban hành văn bản hướng dẫn; theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc; tổ chức thăm hỏi ngày lễ, tết; thực hiện các chính sách an sinh xã hội…

**II. TÌNH HÌNH VÙNG DTTS&MN 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM (NĂM BÁO CÁO)**

**1. Về sản xuất, đời sống** (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Thu nhập bình quân đầu người? tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo? tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo DTTS? tỷ lệ hộ tái nghèo? tình hình thiệt hại về người và tài sản do thiên tai? tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới? tỷ lệ xã có điện lưới quốc gia? tỷ lệ xã đường ô tô đến trung tâm xã?...).

- Đánh giá tổng quát những thiệt hại của đồng bào DTTS do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, môi trường (dẫn chiếu bằng các số liệu cụ thể).

- Đánh giá vai trò của cấp ủy và chính quyền các cấp (tỉnh, huyện xã) đối với công tác chăm lo đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh, môi trường...

**2. Về văn hóa** (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa? có nhà văn hóa đạt chuẩn quốc gia? tỷ lệ thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng?...)

**3. Về giáo dục** (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia? tỷ lệ các cháu mầm non đến lớp? Tổng số học sinh được cử tuyển?...)

**4. Về y tế** (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia? tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ? tỷ lệ thôn, bản có cán bộ y tế? tỷ lệ hộ DTTS sử dụng nước sạch? tỷ lộ hộ DTTS sử dụng hố xí hợp vệ sinh?...)

**5. Về an ninh trật tự**

Báo cáo tình hình an ninh trật tự, tôn giáo, tà giáo, đạo lạ, di cư tự do, nạn phá rừng, buôn bán ma túy, phụ nữ, trẻ em, tội phạm khác...trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM (NĂM BÁO CÁO)**

**1. Kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo**

 a) Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, gồm:

 - Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo.

 - Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 do các Bộ, ngành chủ trì quản lý, chỉ đạo.

- Lập Biểu tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số IV-01).

 b) Đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc không thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

 - Lập Biểu tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc không thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số IV-02).

 **2. Đánh giá kết quả thực hiện một số chương trình, chính sách khác do các bộ, ngành khác quản lý, chỉ đạo**

 - Kết quả thực hiện một số chương trình, chính sách thực hiện tại vùng DTTS&MN, tác động trực tiếp đến đồng bào DTTS&MN, như: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; các chính sách về y tế, văn hóa, giáo dục, dạy nghề...

- Lập Biểu tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện một số chương trình, chính sách thực hiện tại vùng DTTS&MN, tác động trực tiếp đến đồng bào DTTS&MN theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số IV-03).

 **3. Đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc đặc thù của địa phương**

 - Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc đặc thù của địa phương, do địa phương ban hành.

 - Đánh giá ưu, nhược điểm của các chính sách và đề xuất, nghiên cứu, xây dựng đề án, chính sách mới…

- Lập Biểu tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện các chính sách dân tộc đặc thù của địa phương theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số IV-04).

 **4. Đánh giá chung**

Kết quả đạt được; những ưu điểm, thuận lợi, khó khăn, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân.

**IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG CUỐI NĂM, NĂM (NĂM LIỀN KỀ)**

**1. Nhiệm vụ trọng tâm công tác dân tộc 6 tháng cuối năm, năm (liền kề)**

**2. Giải pháp thực hiện**

**V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc và các cấp có thẩm quyền liên quan đến công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc.

|  |  |
| --- | --- |
|    | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** **(Thực hiện BC)** | **Phụ biểu số IV-01** |

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM (NĂM BÁO CÁO)**

*(Kèm theo Báo cáo số ……….. ngày ... tháng … năm ......... của ……….)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HẠNG MỤC** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Tổng kinh phí (Tr.đ)** | **Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)** | **Vốn giải ngân (Tr.đ)** | **Số công trình hoàn thành** | **Ghi chú** |
| **NSTƯ**  | **NSĐP** | **Dân đóng góp (quy đổi)** | **Lồng ghép, vốn khác** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5=6+7+8+9*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** |
| 1 | Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - | Hỗ trợ đất ở (hộ) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Hỗ trợ nhà ở (hộ) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề (hộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Hỗ trợ nước sinh hoạt(hộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  | ……. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|   | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** **(Thực hiện BC)** | **Phụ biểu số IV-02** |

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC KHÔNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM (NĂM BÁO CÁO)**

 *(Kèm theo Báo cáo số ……….. ngày ... tháng … năm ......... của ……….)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Tổng kinh phí (Tr.đ)** | **Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)** | **Vốn giải ngân (Tr.đ)** | **Số công trình hoàn thành** | **Ghi chú** |
| **NSTƯ**  | **NSĐP** | **Dân đóng góp (quy đổi)** | **Lồng ghép, vốn khác** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5=6+7+8+9*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** |
| 1 | Chính sách A…. |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chính sách B…. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | …… |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|   | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** **(Thực hiện BC)** | **Phụ biểu số IV-03** |

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THỰC HIỆN TẠI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN, TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP ĐẾN ĐỒNG BÀO DTTS 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM (NĂM BÁO CÁO)**

*(Kèm theo Báo cáo số ……….. ngày ... tháng … năm ......... của ……….)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HẠNG MỤC** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Tổng kinh phí (Tr.đ)** | **Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)** | **Vốn giải ngân (Tr.đ)** | **Số công trình hoàn thành** | **Ghi chú** |
| **NSTƯ**  | **NSĐP** | **Dân đóng góp (quy đổi)** | **Lồng ghép, vốn khác** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5=6+7+8+9*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** |
| 1 | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - |  |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - | ……. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
*(Ký tên, đóng dấu)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** **(Thực hiện BC)** | **Phụ biểu số IV-04** |

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC ĐẶC THÙ CỦA ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM (NĂM BÁO CÁO)**

 *(Kèm theo Báo cáo số ……….. ngày ... tháng … năm ......... của ……….)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Tổng kinh phí (Tr.đ)** | **Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)** | **Vốn giải ngân (Tr.đ)** | **Số công trình hoàn thành** | **Ghi chú** |
| **NSTƯ**  | **NSĐP** | **Dân đóng góp (quy đổi)** | **Lồng ghép, vốn khác** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5=6+7+8+9*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** |
| 1 | Chính sách A…. |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chính sách B…. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | …… |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
*(Ký tên, đóng dấu)*

**PHỤ LỤC SỐ V**

**Đề cương Báo cáo kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm, năm (năm báo cáo) và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm, năm (liền kề) của Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2022/TT-UBDT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**Số: /BC-Tên ĐV | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *.........., ngày tháng năm*  |

**BÁO CÁO**

**Kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm, năm (năm báo cáo) và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm, năm (liền kề) của Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH**

1. Đánh giá công tác chỉ đạo điều hành của Vụ, đơn vị 6 tháng đầu năm, năm (năm báo cáo)

- Đánh giá, nêu rõ những giải pháp quản lý, điều hành trọng tâm, nổi bật của Vụ, đơn vị trong triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc; công tác tham mưu, đề xuất giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực công tác dân tộc, xử lý những vấn đề quan trọng, phát sinh như: các vấn đề về an ninh trật tự, vấn đề thiên tai, dịch bệnh, môi trường; công tác chăm lo đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số tại các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN.

2. Đánh giá công tác chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Ủy ban 6 tháng đầu năm, năm (năm báo cáo)

- Đánh giá công tác chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Ủy ban về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc; xử lý những vấn đề quan trọng, phát sinh, nhất là các vấn đề về an ninh trật tự, vấn đề thiên tai, dịch bệnh, môi trường; công tác chăm lo đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh, môi trường...

- Những điểm sáng và tồn tại, hạn chế trong công tác chỉ đạo, điều hành; nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

**II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM (NĂM BÁO CÁO)**

**1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được Bộ trưởng, Chủ nhiệm giao tham mưu thực hiện**

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện từng nhiệm vụ.

- Tổng hợp số nhiệm vụ được giao, trong đó:

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành thể hiện rõ quá hạn/đúng hạn.

+ Số nhiệm vụ chưa hoàn thành thể hiện rõ còn trong hạn/quá hạn.

- Lập Biểu tổng hợp (Bảng ngang) đánh giá chi tiết kết quả thực hiện từng nhiệm vụ theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số V-01).

**2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Bộ trưởng, Chủ nhiệm giao**

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện từng nhiệm vụ.

- Tổng hợp số nhiệm vụ được giao, trong đó:

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành thể hiện rõ quá hạn/đúng hạn.

+ Số nhiệm vụ chưa hoàn thành thể hiện rõ còn trong hạn/quá hạn.

- Lập Biểu tổng hợp (Bảng ngang) đánh giá chi tiết kết quả thực hiện từng nhiệm vụ theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số V-01).

**3. Kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc**

*3.1. Kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo*

 a) Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 được giao, tham mưu quản lý, chỉ đạo, thực hiện, gồm:

 - Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo.

 - Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 do các Bộ, ngành chủ trì quản lý, chỉ đạo.

- Lập Biểu tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số V-02).

 b) Đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc không thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 được giao, tham mưu quản lý, chỉ đạo, thực hiện

 - Lập Biểu tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc không thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số V-03).

 *3.2. Đánh giá kết quả thực hiện một số chương trình, chính sách khác do các bộ, ngành khác quản lý, chỉ đạo (Vụ Chính sách dân tộc báo cáo nội dung này)*

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ; các chỉ thị, kết luận, quyết định của Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc.

- Kết quả nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các chính sách, chương trình, dự án thực hiện tại vùng DTTS&MN.

- Kết quả thực hiện một số chương trình, chính sách thực hiện tại vùng DTTS&MN, tác động trực tiếp đến đồng bào DTTS&MN, như: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; các chính sách về y tế, văn hóa, giáo dục, dạy nghề...

- Lập Biểu tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện một số chương trình, chính sách thực hiện tại vùng DTTS&MN, tác động trực tiếp đến đồng bào DTTS&MN theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số V-04).

 *3.3. Kết quả thực hiện công tác dân tộc tại các địa phương*

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các tỉnh, thành phố (gọi chung là cấp tỉnh) về công tác dân tộc.

- Công tác quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, và Nhà nước về công tác dân tộc.

- Kết quả thực hiện công tác dân tộc, các chính sách dân tộc (bao gồm các chính sách dân tộc đặc thù của địa phương).

- Lập Biểu tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện các chính sách dân tộc đặc thù của địa phương theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số IV-05).

**4. Công tác tiếp dân, thanh tra và phòng chống tham nhũng**

- Công tác tiếp công dân, tiếp nhận đơn thư phản ánh, kiến nghị

- Công tác thanh tra

- Công tác phòng, chống tham nhũng…

**5. Công tác thông tin, tuyên truyền, pháp chế và phổ biến, giáo dục pháp luật**

**6. Một số công tác khác**

- Công tác cải cách hành chính

- Công tác tổ chức cán bộ

- Công tác thi đua khen thưởng

- Công tác xây dựng cơ bản

- Công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường vùng đồng bào DTTS&MN

- Hợp tác quốc tế về công tác dân tộc

**7. Đánh giá chung**

- Đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo điều hành; kết quả công tác; công tác phối hợp giữa các Vụ, đơn vị.

- Nêu rõ những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

**III. TÌNH HÌNH VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

**1. Về sản xuất, đời sống**

- Nêu nổi bật được tình hình đời sống của đồng bào của từng địa bàn vùng DTTS&MN

- Tình hình thiên tai, dịch bệnh, môi trường, số liệu thiệt hại cụ thể (nếu có).

- Công tác ứng phó với tình hình thiên tai, dịch bệnh, môi trường của các địa phương, các cấp, các ngành...

**2. Về văn hóa - xã hội**

Nêu nổi bật được tình hình văn hóa-xã hội trong vùng đồng bào DTTS&MN (*Về văn hóa, thông tin; Về giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Về công tác y tế…),* lưu ý những vấn đề nổi cộm, điểm nóng*.*

**3. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội**

- Khái quát tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vùng DTTS và miền núi.

- Thống kê các vụ việc gây mất an ninh trật tự tại vùng DTTS&MN đặc biệt là các vụ việc có liên quan đến người DTTS.

- Báo cáo tình hình tôn giáo, tà giáo, đạo lạ, di cư tự do, nạn phá rừng, buôn bán ma túy, phụ nữ, trẻ em, tội phạm khác...

- Giải pháp của các cơ quan chức năng nhằm hạn chế các vụ việc gây mất an ninh trật tự tại vùng DTTS&MN.

**IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM, NĂM (NĂM LIỀN KỀ)**

**1. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện**

- Nêu các nhiệm vụ trọng tâm công tác dân tộc 6 tháng cuối năm, năm (năm liền kề).

- Lập Biểu tổng hợp (Bảng ngang) xây dựng chi tiết kế hoạch thực hiện từng nhiệm vụ theo mẫu kèm theo đề cương này (Mẫu Phụ biểu số V-06).

**2. Giải pháp thực hiện**

**V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

- Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cấp có thẩm quyền liên quan đến tình hình thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc.

- Đề xuất kiến nghị với Lãnh đạo Ủy ban những vấn đề liên quan đến tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao, phân công; đề xuất, kiến nghị với các Vụ, đơn vị về việc phối hợp công tác, thực hiện nhiệm vụ được giao, phân công.

|  |  |
| --- | --- |
|    | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Phụ biểu số V- 01** |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM GIAO**  |
| **6 tháng, năm (năm báo cáo)….***(Kèm theo Báo cáo số: / ngày tháng năm của Vụ, đơn vị)* |
| **TT** | **Nội dung nhiệm vụ** | **Cán bộ phụ trách** | **Thời hạn hoàn thành** | **Tiến độ thực hiện** | **Kết quả thực hiện** | **Khó khăn, vướng mắc** |
| **Đã hoàn thành** | **Chưa hoàn thành** |
| **Đúng hạn** | **Quá hạn** | **Còn trong hạn** | **Quá hạn** |
| **I** | **Nhóm nhiệm vụ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ** |  |  |  |  |  |
| **1** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **2** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **II** | **Nhóm nhiệm vụ thường xuyên được giao tại Quyết định giao nhiệm vụ đầu năm và theo chức năng nhiệm vụ** |
| ***II.1*** | ***Kết quả triển khai các chương trình, đề án, chính sách dân tộc Vụ, đơn vị được giao tham mưu thực hiện*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *a* | *Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, chính sách Ủy ban Dân tộc quản lý*  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **2** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *b* | *Kết quả triển khai các chương trình, chính sách tại vùng DTTS&MN* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **4** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| ***II.2*** | ***Kết quả triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao (Đối với các nhiệm vụ thường xuyên cần báo cáo rõ kết quả, tiến độ, quá trình thực hiện và sản phẩm thực hiện được trong kỳ báo cáo)*** |
| **5** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **6** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **III** | **Nhóm nhiệm vụ phát sinh được giao tại các văn bản, thông báo kết luận…** |  |  |  |
| ***III.1*** | ***Các nhiệm vụ được giao trả lời các văn bản của ban, bộ, ngành và các đơn vị ngoài UBDT*** |  |  |
| **1** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **2** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| ***III.2*** | ***Các nhiệm vụ phát sinh khác*** |  |  |
| ***3*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***4*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** |   |   |   |   |   |   |
|  |  |  |  |  |  |  |  | *………..ngày.......tháng....... năm…* **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** **(Thực hiện BC)** | **Phụ biểu số V-02** |

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM (NĂM BÁO CÁO)**

*(Kèm theo Báo cáo số ……….. ngày ... tháng … năm ......... của ……….)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HẠNG MỤC** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Tổng kinh phí (Tr.đ)** | **Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)** | **Vốn giải ngân (Tr.đ)** | **Số công trình hoàn thành** | **Ghi chú** |
| **NSTƯ**  | **NSĐP** | **Dân đóng góp (quy đổi)** | **Lồng ghép, vốn khác** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5=6+7+8+9*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** |
| 1 | Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - | Hỗ trợ đất ở (hộ) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Hỗ trợ nhà ở (hộ) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề (hộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Hỗ trợ nước sinh hoạt(hộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  | ……. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  | *………..ngày.......tháng....... năm…* **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** |
|  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** **(Thực hiện BC)** | **Phụ biểu số V-03** |

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC KHÔNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM (NĂM BÁO CÁO)**

 *(Kèm theo Báo cáo số ……….. ngày ... tháng … năm ......... của ……….)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Tổng kinh phí (Tr.đ)** | **Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)** | **Vốn giải ngân (Tr.đ)** | **Số công trình hoàn thành** | **Ghi chú** |
| **NSTƯ**  | **NSĐP** | **Dân đóng góp (quy đổi)** | **Lồng ghép, vốn khác** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5=6+7+8+9*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** |
| 1 | Chính sách A…. |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chính sách B…. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | …… |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  | *………..ngày.......tháng....... năm…* **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** |
|  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** **(Thực hiện BC)** | **Phụ biểu số V-04** |

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC KHÁC DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP ĐẾN ĐỒNG BÀO DTTS 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM (NĂM BÁO CÁO)**

*(Kèm theo Báo cáo số ……….. ngày ... tháng … năm ......... của ……….)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Tổng kinh phí (Tr.đ)** | **Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)** | **Vốn giải ngân (Tr.đ)** | **Số công trình hoàn thành** | **Ghi chú** |
| **NSTƯ**  | **NSĐP** | **Dân đóng góp (quy đổi)** | **Lồng ghép, vốn khác** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5=6+7+8+9*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** |
| 1 | Chính sách A…. |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chính sách B…. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | …… |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|   | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** **(Thực hiện BC)** | **Phụ biểu số V-05** |

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC ĐẶC THÙ CỦA ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM (NĂM BÁO CÁO)**

 *(Kèm theo Báo cáo số ……….. ngày ... tháng … năm ......... của ……….)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Tổng kinh phí (Tr.đ)** | **Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)** | **Vốn giải ngân (Tr.đ)** | **Số công trình hoàn thành** | **Ghi chú** |
| **NSTƯ**  | **NSĐP** | **Dân đóng góp (quy đổi)** | **Lồng ghép, vốn khác** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5=6+7+8+9*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** |
| 1 | Chính sách A…. |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chính sách B…. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | …… |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
*(Ký tên, đóng dấu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** |  |  |  |  |  |  | **Phụ biểu số V-06** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM GIAO**  |
| **6 tháng cuối năm, năm (năm báo cáo)….….***(Kèm theo Báo cáo số: / ngày tháng năm của Vụ, đơn vị)* |
| **TT** | **Nội dung nhiệm vụ** | **Cán bộ phụ trách** | **Thời hạn hoàn thành** | **Tiến độ thực hiện** | **Kế hoạch triển khai** | **Dự kiến sản phẩm/kết quả** | **Ghi chú** |
| **Còn trong hạn** | **Quá hạn** | **Không thời hạn** |
| **I** | **Nhóm nhiệm vụ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **2** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **II** | **Nhóm nhiệm vụ thường xuyên được giao tại Quyết định giao nhiệm vụ đầu năm và theo chức năng nhiệm vụ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***II.1*** | ***Kế hoạch triển khai các chương trình, đề án, chính sách dân tộc Vụ, đơn vị được giao tham mưu thực hiện*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *a* | *Kế hoạch triển khai các chương trình, đề án, chính sách Ủy ban Dân tộc quản lý*  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **1** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **2** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *b* | *Kế hoạch thực hiện các chương trình, chính sách tại vùng DTTS&MN* |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **3** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **4** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| ***II.2*** | ***Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao (bao gồm cả nhiệm vụ thường xuyên)*** |
| **5** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **III** | **Nhóm nhiệm vụ phát sinh được giao tại các văn bản, thông báo kết luận…** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **2** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Tổng số** |   |   |   |   |   |
|  | *Lưu ý: các nhiệm vụ cần dự kiến cụ thể kết quả/sản phẩm dự kiến để có căn cứ đối chiếu kết quả trong kỳ báo cáo tiếp theo* |
|  |  |  |  |  |  |  | *.........., ngày....... tháng....... năm…*  |
|  |  |  |  |  |  |  | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |